

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-PT
Ngày: 20-3-2023
V/v tranh chấp yêu cầu
thực hiện nghĩa vụ tài sản do
người chết để lại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Cường

Ông Trần Phước Hiệu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Việt Quốc là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Văn Lai – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 88/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022, về việc: “*Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân (được sửa chữa, bổ sung theo Quyết định số 03/2022/QĐ-SCBSBA ngày 25 tháng 7 năm 2022 và số 04/2022/QĐ-SCBSBA ngày 05 tháng 8 năm 2022) bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966

2. Ông Lê Tấn D, sinh năm 1968

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Tấn D: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1966 (Văn bản ủy quyền ngày 04/6/2019).

Cùng địa chỉ cư trú: Thôn ĐM2, xã TX, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn:

1. Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1973

2. Anh Lê Quốc A, sinh năm 1994

3. Anh Lê Đức A, sinh năm 2009

Người đại diện theo pháp luật của anh Lê Đức A: Bà Phan Thị Ngọc D, sinh năm 1973 (là mẹ ruột).

Cùng địa chỉ cư trú: Số ... TN, phường TT, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Lê Diệp B, sinh năm 1964; Địa chỉ cư trú: Số ... LL, phường PH, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận (Văn bản ủy quyền ngày 08/12/2022).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Diệp B, sinh năm 1964;

Địa chỉ cư trú: Số ... LL, phường PH, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ cư trú: Số ... TN, phường TT, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phan Thị Ngọc D, anh Lê Quốc A, anh Lê Đức A do ông Lê Diệp B đại diện.

Những người tham gia tố tụng có mặt bà Nguyễn Thị C, ông Lê Diệp B, còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Tấn D trình bày:

Ngày 24/6/2013, vợ chồng bà Nguyễn Thị C, ông Lê Tấn D và ông Lê Long B1 đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 00860 tại Văn phòng Công chứng HT. Theo đó, bà C và ông D chuyển nhượng cho ông Lê Long B1 thửa đất số ..., tờ bản đồ số 01, diện tích 5.368m², tọa lạc tại thôn LG1, xã TX, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 836... do UBND huyện Hàm Tân cấp cho ông Lê Tấn D và bà Nguyễn Thị C ngày 27/6/2007, với giá 55.000.000đồng, nhưng thực chất giá chuyển nhượng đất là 150.000.000đồng. Đến ngày 05/7/2013, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hàm Tân đã đăng ký biến động sang tên cho ông Lê Long B1 theo hồ sơ số 001998.

Ngày 20/9/2013, ông Lê Long B1 viết giấy nhận nợ với nội dung: Vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 836... đã sang tên ông và ông còn thiếu ông Lê Tấn D và bà Nguyễn Thị C 150.000.000đồng nên ông gọi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà C, ông D tạm giữ, đến lúc nào ông đưa đủ tiền thì bà C, ông D có trách nhiệm trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho ông. Tuy nhiên, đến ngày 20/01/2014 thì ông Lê Long B1 chết, số tiền nợ trên vẫn chưa thanh toán cho bà C và ông D.

Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thụ lý số 97/2019/TLST-DS ngày 23/5/2019, bà C và ông D yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 00860 ngày 24/6/2013 và buộc phía bị đơn trả lại cho nguyên đơn 5.368m² đất và làm thủ tục biến động sang tên, chuyển quyền sử dụng đất cho bà C và ông D.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án tại Bản án dân sự sơ thẩm số 59/ 2019/DS-ST ngày 29/11/2019, tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C và ông Lê Tấn D về việc yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 00860 ngày 24/6/2013 giữa ông Lê Tấn D, bà Nguyễn Thị C với ông Lê Long B1.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 38/2020/DS-ST ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã tuyên hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 và giao hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm lại vụ án theo quy định pháp luật.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân thụ lý vụ án dân sự số 107/2020/TLST-DS ngày 10/8/2020; Đến ngày 24/8/2020, bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung, buộc phía bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc là 150.000.000đồng và tiền lãi là 103.335.000đồng (103.335.000đồng x 10%/tháng x 83 tháng); Tổng cộng cả gốc và lãi là 253.335.000đồng. Tuy nhiên, đến ngày 11/11/2020, bà Nguyễn Thị C xin rút phần yêu cầu khởi kiện bổ sung; Đồng thời thay đổi yêu cầu khởi kiện, chuyển từ yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 00860 ngày 24/6/2013 giữa ông Lê Tấn D, bà Nguyễn Thị C và ông Lê Long B1 thành yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc là 150.000.000đồng.

Ngày 21/01/2022 và tại phiên tòa ngày 05/4/2022, bà Nguyễn Thị C có yêu cầu bổ sung, buộc phía bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền lãi của nợ gốc là 150.000.000đồng, tính từ ngày 21/9/2013 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất không thỏa thuận là 10%/năm.

Ngày 17/6/2022, bà Nguyễn Thị C thay đổi yêu cầu, cụ thể buộc phía bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền lãi của nợ gốc là 150.000.000đồng, tính từ ngày được UBND xã Tân Xuân thông báo giải quyết vào ngày 11/02/2015 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất không thỏa thuận là 10%/năm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị C xác định yêu cầu phía bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền lãi của nợ gốc là 150.000.000đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Diệp B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn trình bày:

Về hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 00860 ngày 24/6/2013 giữa ông Lê Tấn D, bà Nguyễn Thị C và ông Lê Long B1 thì ông không đồng ý, bởi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Lê Tấn

D, bà Nguyễn Thị C và ông Lê Long B1 đã phát sinh hiệu lực và các bên đã giao nhận đất. Sau khi em của ông là Lê Long B1 chết thì các đồng thừa kế là vợ và các con của ông Lê Long B1 đã ủy quyền cho ông được toàn quyền sử dụng thửa đất số 363, tờ bản đồ số 01, diện tích đất 5.368m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 836... do UBND huyện Hàm Tân cấp cho ông Lê Tấn D và bà Nguyễn Thị C ngày 27/6/2007; Đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Hàm Tân xác nhận việc thay đổi cơ sở pháp lý, chuyển nhượng sang tên cho ông Lê Long B1 ngày 05/7/2013.

Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Lê Long B1 chết để lại mà nguyên đơn yêu cầu trả số tiền gốc là 150.000.000đồng và số tiền lãi theo quy định pháp luật thì ông không đồng ý, vì ông không biết việc vay mượn tiền giữa ông Lê Long B1 với bà C và ông D theo giấy nhận nợ ngày 20/9/2013.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị H trình bày: Năm 2013, vợ chồng bà Nguyễn Thị C, ông Lê Tấn D có vay của bà 500.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng. Nhưng sau nhiều lần hứa trả mà bà C, ông D không trả nên bà H yêu cầu bà C đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để bà H vay tiền giúp.

Sau nhiều lần vay tiền và xảy ra nhiều chuyện khác nhau, vì bà H lỡ vương chuyện tiền bạc với bà C nên mới đi vay tiền giúp bà C để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng. Do đó, bà C viết giấy vay của bà thêm 100.000.000đồng và giao cho bà H giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 836... được UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 27/6/2007 để đảm bảo việc trả nợ.

Sau nhiều lần hứa trả nhưng không trả thì ông Lê Diệp B xin trả 100.000.000đồng thay cho bà C, ông D và xin nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 836... được UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 27/6/2007, đã được sang tên cho ông Lê Long B1. Tuy nhiên, cũng sau nhiều lần hứa hẹn thì ông Lê Diệp B có trả cho bà H 30.000.000đồng để nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 836... và cam kết trả 70.000.000đồng còn lại. Tuy nhiên, đến nay thì ông Diệp B vẫn không trả cho bà H nhưng số tiền mà ông Diệp B còn thiếu thì bà H sẽ khởi kiện thành vụ án khác, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân (được sửa chữa, bổ sung theo Quyết định số 03/2022/QĐ-SCBSBA ngày 25 tháng 7 năm 2022 và số 04/2022/QĐ-SCBSBA ngày 05 tháng 8 năm 2022) đã quyết định:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 305, khoản 1 Điều 701 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 357, Điều 500, Điều 615, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C và ông Lê Tấn D. Buộc bà Phan Thị Ngọc D, anh Lê Quốc A và anh Lê Đức A phải trả cho bà Nguyễn Thị C và ông Lê Tấn D số tiền 258.170.833đồng; bao gồm tiền nợ gốc là 150.000.000đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/7/2022 là 108.170.833đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, tính từ lúc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt qua mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trường hợp các bên không thỏa thuận được về lãi suất thì áp dụng lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22/7/2022, bị đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Ông Lê Diệp B là người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên kháng cáo của bị đơn và có ý kiến: Do trước đây nguyên đơn khởi kiện và đã rút yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án; hơn nữa vụ án đã hết thời hiệu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng thời hiệu, hủy bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, ông Lê Tấn D khởi kiện yêu cầu vợ và các con của ông Lê Long B1 (đã chết ngày 20/01/2014) là những người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản, thay ông Lê Long B1 trả cho nguyên đơn 150.000.000đồng tiền nợ do nhận chuyển nhượng thửa đất số 363, tờ bản đồ số 01, diện tích đất 5.368m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 836...

do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 27/6/2007 và lãi suất theo quy định của pháp luật.

[2] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn xuất trình “Giấy nợ” đề ngày 20/9/2013, với nội dung ông Lê Long B1 có nợ nguyên đơn 150.000.000đồng tiền nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên. Tài liệu này đã được Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận tại Bản Kết luận giám định số 769/KLGD-PC09 ngày 15/9/2019.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Diệp B thừa nhận “Giấy nợ” đề ngày 20/9/2013 do em của ông là Lê Long B1 ký xác nhận. Tuy nhiên, ông Lê Diệp B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì cho rằng tại thời điểm viết giấy nợ này, căn cứ vào “Giấy hẹn” ghi ngày 30/12/2009 xác định nguyên đơn còn thiếu nợ ông Lê Long B1; hơn nữa không có chuyện chuyển nhượng đất mà người chuyển nhượng đồng ý để cho người nhận chuyển nhượng làm thủ tục sang tên, trong khi nợ toàn bộ số tiền chuyển nhượng đất. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Diệp B đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng thời hiệu để hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[4] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Nguyên và bị đơn đều thừa nhận “Giấy nợ” đề ngày 20/9/2013, với nội dung ông Lê Long B1 có nợ vợ chồng nguyên đơn 150.000.000đồng tiền nhận chuyển nhượng thửa đất số 363, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.368m² đất, tọa lạc tại thôn LG1, xã TX, huyện HT, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 836... do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 27/6/2007. Do đó, có thể khẳng định tại thời điểm ngày 20/9/2013, ông Lê Long B1 có nợ vợ chồng nguyên đơn 150.000.000đồng.

[4.2] Đối với ý kiến của ông Lê Diệp B là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.2.1] Nguyên đơn không phủ nhận “Giấy hẹn” ghi ngày 30/12/2009, với nội dung nguyên đơn có thiếu ông Lê Long B1 50.000.000đồng và hẹn đến cuối tháng giêng năm 2010 sẽ trả như ông Lê Diệp B trình bày; tuy nhiên, số tiền nợ này theo nguyên đơn thì nguyên đơn đã trả. Lời khai này của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận; Bởi lẽ, nếu chưa trả số tiền nợ này thì ngày 20/9/2013 ông Lê Long B1 sẽ không ký xác nhận còn nợ nguyên đơn 150.000.000đồng như “Giấy nợ” được nêu tại mục [4.1].

[4.2.2] Đối với ý kiến của ông Lê Diệp B cho rằng không có chuyện chuyển nhượng đất mà người chuyển nhượng đất đồng ý để cho người nhận chuyển nhượng đất làm thủ tục sang tên, trong khi nợ toàn bộ số tiền chuyển nhượng đất. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là ý kiến theo suy luận chủ quan của

ông Lê Diệp B, bởi lẽ sự thỏa thuận này có thể thiết lập trên cơ sở tự nguyện, tin tưởng lẫn nhau giữa hai bên, pháp luật cũng không cấm. Ngoài ra, ông Lê Diệp B cũng thừa nhận giữa nguyên đơn và ông Lê Long B1 có mối quan hệ thân thiết với nhau khi ông Lê Long B1 còn sống, nên việc bà C, ông D đồng ý để cho ông Lê Long B1 làm thủ tục sang tên, trong khi còn nợ toàn bộ số tiền chuyển nhượng đất cũng là việc bình thường.

[4.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Diệp B đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng thời hiệu để hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Vấn đề này, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.3.1] Theo điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án dân sự khi: *“e. Đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện đã hết”*.

[4.3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Diệp B thừa nhận từ trước đến nay ông chưa đưa ra yêu cầu áp dụng thời hiệu, tại phiên tòa phúc thẩm ông mới yêu cầu. Do đó, theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự được viện dẫn trên thì dù thời hiệu khởi kiện hết thì Tòa án cũng không áp dụng thời hiệu để đình chỉ giải quyết vụ án, do việc yêu cầu áp dụng thời hiệu của bị đơn được đưa ra sau khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án.

[5] Xét thấy, theo “Văn bản xác nhận tài sản riêng” do bà Phan Thị Ngọc D lập, được Văn phòng công chứng La Gi công chứng ngày 24/6/2013, bà D đã thừa nhận thửa đất số 363, tờ bản đồ số 01, diện tích 5.368m² đất, tọa lạc tại thôn LG1, xã TX, huyện HT, tỉnh Bình Thuận (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 836... do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 27/6/2007, được cập nhật sang tên ông Lê Long B1 ngày 05/7/2013) và tài sản trên đất, là tài sản riêng của ông Lê Long B1, nên đây là di sản do ông Lê Long B1 chết để lại, có tổng trị giá là 361.860.000đồng (theo Biên bản định giá tài sản ngày 24/12/2020), đủ để những người thừa kế của ông Lê Long B1 thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Lê Long B1 chết để lại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc phía bị đơn trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc 150.000.000đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tính từ ngày 11/02/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ, nên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận, như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6] Tuy nhiên, phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên: *“Buộc bà Phan Thị Ngọc D, anh Lê Quốc A và anh Lê Đức A phải trả cho bà Nguyễn Thị C và ông Lê Tấn D số tiền 258.170.833đồng; bao gồm tiền nợ gốc là 150.000.000đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/7/2022 là 108.170.833đồng.”*, việc tuyên buộc như vậy được hiểu là nghĩa vụ trả nợ là của những người thừa kế của ông Lê Long B1. Điều này là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 637 Bộ luật Dân sự 2005, nay là khoản 1 Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015: *“Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

[7] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền với mức lãi suất không thỏa thuận 10%/năm tính từ ngày 01/7/2017 đến ngày 06/7/2022 là không đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì tại thời điểm ông Lê Long B1 ký tên xác nhận còn nợ nguyên đơn 150.000.000đồng vào ngày 20/9/2013, thời điểm này Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực thi hành; Việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền được quy định khác nhau giữa hai Bộ luật, cụ thể: Theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005 thì trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác; còn theo khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì lãi suất trong trường hợp này là 10%/năm. Do đó, theo điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trường hợp tính lãi suất chậm trả tiền phải áp dụng khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự 2005. Đến nay, quy định lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước ban hành theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm, nên Hội đồng xét xử tính lại khoản tiền lãi, cụ thể: Thời gian tính lãi được tính kể từ ngày 11/02/2015 đến ngày thanh toán là ngày xét xử sơ thẩm 06/7/2022 là 07 năm 04 tháng 26 ngày, với mức lãi suất 9%/năm, thành tiền là 99.975.000đồng.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án dân sự sơ thẩm bị sửa nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, án phí dân sự sơ thẩm được tính lại theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Ngọc D, anh Lê Quốc A và anh Lê Đức A do ông Lê Diệp B đại diện;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/DS-ST ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân (được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định sửa chữa, bổ sung số 03/2022/QĐ-SCBSBA ngày 25 tháng 7 năm 2022 và Quyết định sửa chữa, bổ sung số 04/2022/QĐ-SCBSBA ngày 05 tháng 8 năm 2022).

Áp dụng: Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 615, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C và ông Lê Tấn D: Buộc bà Phan Thị Ngọc D, anh Lê Quốc A và anh Lê Đức A có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản do ông Lê Long B1 chết để lại, trả cho bà Nguyễn Thị C và ông Lê Tấn D 249.975.000đồng (*gồm tiền nợ gốc là 150.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 11/02/2015 đến ngày 06/7/2022 là 99.975.000đồng*) trong phạm vi di sản do ông Lê Long B1 chết để lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc bà Phan Thị Ngọc D, anh Lê Quốc A và anh Lê Đức A phải nộp 12.498.500đồng (*Mười hai triệu, bốn trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm đồng*) trong phạm vi di sản do ông Lê Long B1 chết để lại.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị C, ông Lê Tấn D tổng cộng 6.933.375đồng (*Sáu triệu, chín trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm bảy mươi lăm đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0024804 ngày 21/5/2019, số 0029019 ngày 13/12/2019 và số 0002721 ngày 31/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Lê Diệp B, bà Phan Thị Ngọc D và anh Lê Quốc A mỗi người 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0010327 ngày 29/7/2022, số 0010459 ngày 10/11/2022 và số 0010461 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện H.Tân;
- VKSND huyện H.Tân;
- Chi cục THADS huyện H.Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, Tổ HCTP, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái

